

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Nghị định này.

Điều 38. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ sở văn hóa, giáo dục nước ngoài tại Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 71/2001/QĐ-TTg ngày 04/5/2001 về các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2001 - 2005.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị quyết số 39/2000/QH10 ngày 09 tháng 12 năm 2000 của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 8 về nhiệm vụ năm 2001 và Nghị quyết số 243/NQ/UBTVQH10 ngày 15 tháng 12 năm 2000 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 531/TTg ngày 08 tháng 8 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý các chương trình quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 05/1998/QĐ-TTg ngày 14 tháng 1 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 38/2000/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 531/TTg ngày 08 tháng 8 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 146/2000/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2001 - 2005 và phân công cơ quan quản lý, triển khai thực hiện chương trình như sau:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm.

a) Mục tiêu:

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí hộ nghèo mới) đến năm 2005 còn dưới 10%, bình quân mỗi năm giảm 1,5 - 2% (khoảng 28 - 30 vạn hộ/năm); không để tái đói kinh niên, các xã nghèo có đủ cơ sở hạ tầng thiết yếu cơ bản;

- Mỗi năm phấn đấu giải quyết việc làm cho khoảng 1,4 - 1,5 triệu lao động; giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị xuống còn khoảng 5-6%; nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn lên 80% vào năm 2005.

b) Nội dung: Bao gồm ba nhóm dự án:

- Nhóm các dự án xóa đói giảm nghèo chung:

+ Dự án tín dụng cho hộ nghèo vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh;

+ Dự án hướng dẫn cho người nghèo cách làm ăn, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư;

+ Dự án xây dựng mô hình xóa đói giảm nghèo ở các vùng đặc biệt (vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bãi ngang ven biển, vùng cao, biên giới, hải đảo, vùng ATK, vùng sâu đồng bằng sông Cửu Long);

- Nhóm các dự án xóa đói giảm nghèo cho các xã nghèo nằm ngoài Chương trình 135:

+ Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng ở các xã nghèo;

+ Dự án hỗ trợ sản xuất và phát triển ngành nghề ở các xã nghèo;

+ Dự án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo và cán bộ các xã nghèo;

+ Dự án ổn định dân di cư và xây dựng vùng kinh tế mới ở các xã nghèo (bao gồm: ổn định dân di cư tự do, di dân xây dựng vùng kinh tế mới, phân bố lại dân cư theo quy hoạch; các dự án của Chương trình 773 cũ thuộc ngành nông nghiệp theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 1123/CP-NN ngày 06 tháng 12 năm 2000 về việc chuyển dự án thuộc Chương trình 773);

+ Dự án định canh định cư ở các xã nghèo.

(Các xã đặc biệt khó khăn được tiếp tục thực hiện các dự án thuộc Chương trình 135 "Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc miền núi, biên giới và vùng sâu, vùng xa" - Chương trình xóa đói giảm nghèo đặc biệt của Chính phủ - do Ủy ban Dân tộc và Miền núi là cơ quan thường trực, theo các Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 1998 và số 138/2000/QĐ-TTg ngày 29 tháng

11 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ, không thuộc quy định của Quyết định này).

- Nhóm các dự án việc làm:

+ Dự án tổ chức cho vay vốn theo các dự án nhỏ giải quyết việc làm thông qua Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm;

+ Dự án nâng cao năng lực và hiện đại hóa các Trung tâm dịch vụ việc làm;

+ Dự án điều tra, thống kê thị trường lao động và xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động;

+ Dự án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác giải quyết việc làm.

c) Phân công quản lý, thực hiện chương trình

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quản lý, điều hành và tổng hợp chung toàn bộ tình hình thực hiện chương trình; chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Bộ Y tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ, ngành liên quan và các Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là các địa phương) quản lý, tổ chức thực hiện các dự án:

+ Dự án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo và cán bộ các xã nghèo;

+ Dự án xây dựng mô hình xóa đói giảm nghèo ở các vùng đặc biệt (vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bãi ngang ven biển, vùng cao, biên giới, hải đảo, vùng ATK, vùng sâu đồng bằng sông Cửu Long);

+ Dự án tổ chức cho vay vốn theo các dự án nhỏ giải quyết việc làm thông qua Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm;

+ Dự án nâng cao năng lực và hiện đại hóa các Trung tâm dịch vụ việc làm;

+ Dự án điều tra, thống kê lao động và xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động;

+ Dự án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác giải quyết việc làm;

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương quản lý, tổ chức thực hiện các dự án:

+ Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng ở các xã nghèo;

+ Dự án hỗ trợ sản xuất và phát triển ngành nghề ở các xã nghèo;

+ Dự án hướng dẫn cho người nghèo cách làm ăn, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư;

+ Dự án ổn định dân di cư và xây dựng vùng kinh tế mới ở các xã nghèo (bao gồm: ổn định dân di cư tự do, di dân xây dựng vùng kinh tế mới, phân bố lại dân cư theo quy hoạch; các dự án của Chương trình 773 cũ thuộc ngành nông nghiệp, theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 1123/CP-NN ngày 06 tháng 12 năm 2000 về việc chuyển dự án thuộc Chương trình 773);

+ Dự án định canh định cư ở các xã nghèo.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương chỉ đạo Ngân hàng phục vụ người nghèo quản lý, tổ chức thực hiện Dự án tín dụng cho hộ nghèo vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Bộ Y tế: Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương nghiên cứu xây dựng chính sách khám, chữa bệnh cho người nghèo, trình Chính phủ quyết định.

- Ủy ban Dân tộc và Miền núi: Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong việc quản lý, tổ chức thực hiện các dự án xóa đói giảm nghèo và việc làm.

- Ủy ban Quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình: Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc quản lý, tổ chức thực hiện dự án ổn định dân di cư và xây dựng vùng kinh tế mới ở các xã nghèo.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25 tháng 8 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình.

a) Mục tiêu:

- Tập trung mọi nỗ lực đạt mục tiêu giảm sinh vững chắc, đặc biệt tập trung vào những vùng có mức sinh cao, vùng sâu, vùng xa, vùng nghèo, nhằm đạt mức sinh thay thế bình quân trong toàn quốc chậm nhất vào năm 2005. Giảm tỷ lệ sinh bình quân hàng năm 0,4‰; đạt tỷ lệ tăng dân số vào năm 2005 khoảng 1,16%.

- Bước đầu triển khai những mô hình và giải pháp thí điểm về nâng cao chất lượng dân số.

b) Nội dung: Bao gồm các dự án:

- Dự án truyền thông - giáo dục thay đổi hành vi;

- Dự án tăng cường dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình cho vùng nghèo, vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa;

- Dự án nâng cao chất lượng thông tin, dữ liệu về dân cư;

- Dự án nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chất lượng dân số;

- Dự án lồng ghép dân số với phát triển gia đình bền vững, thông qua hoạt động tín dụng - tiết kiệm và phát triển kinh tế gia đình;

- Dự án nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số;

- Dự án chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình gồm 2 tiểu dự án:

+ Tiểu dự án thực hiện các dịch vụ y tế về chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình;

+ Tiểu dự án thực hiện các dịch vụ về chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình phi lâm sàng và đảm bảo hậu cần kế hoạch hóa gia đình.

c) Phân công quản lý, thực hiện chương trình:

- Ủy ban Quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình: Quản lý, điều hành và tổng hợp chung toàn bộ tình hình thực hiện chương trình; chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương quản lý, tổ chức thực hiện các dự án:

+ Dự án truyền thông - giáo dục thay đổi hành vi;

+ Dự án tăng cường dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình cho vùng nghèo, vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa;

+ Dự án nâng cao chất lượng thông tin dữ liệu về dân cư;

+ Dự án nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chất lượng dân số;

+ Dự án lồng ghép dân số với phát triển gia đình bền vững, thông qua hoạt động tín dụng tiết kiệm và phát triển kinh tế gia đình;

+ Dự án nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số;

+ Tiểu dự án thực hiện các dịch vụ về chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình phi lâm sàng và đảm bảo hậu cần kế hoạch hóa gia đình.

- Bộ Y tế:

+ Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương quản lý, tổ chức thực hiện tiểu dự án thực hiện các dịch vụ y tế về chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình.

+ Phối hợp với Ủy ban Quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương quản lý, tổ chức thực hiện Dự án tăng cường dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình cho vùng nghèo, vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

4. Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS.

a) Mục tiêu:

Giảm tỷ lệ người mắc bệnh và tỷ lệ người chết bệnh, góp phần nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ và phát triển giống nòi; phấn đấu để mọi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu; giảm tốc độ lây nhiễm HIV trong cộng đồng;

b) Nội dung: Bao gồm các dự án:

- Dự án phòng, chống bệnh sốt rét;

- Dự án phòng, chống bệnh bướu cổ;

- Dự án phòng, chống bệnh phong;

- Dự án phòng, chống bệnh lao;

- Dự án phòng, chống bệnh sốt xuất huyết;

- Dự án tiêm chủng mở rộng;

- Dự án phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em;

- Dự án bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng;

- Dự án bảo đảm chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Dự án phòng, chống HIV/AIDS.

c) Phân công quản lý, thực hiện chương trình:

Bộ Y tế: Quản lý, điều hành chương trình; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và các địa phương quản lý, tổ chức thực hiện các dự án của chương trình.

5. Chương trình mục tiêu quốc gia văn hóa.

a) Mục tiêu:

- Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tiêu biểu của dân tộc;
- Xây dựng và phát triển đời sống văn hóa cơ sở;
- Hiện đại hóa công nghệ sản xuất, lưu trữ và phổ biến phim.

b) Nội dung: Bao gồm ba nhóm dự án:

- Nhóm các dự án bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa tiêu biểu của dân tộc:
 - + Dự án chống xuống cấp và tôn tạo các di tích lịch sử, cách mạng và kháng chiến;
 - + Dự án nghiên cứu, điều tra, bảo tồn một số làng, bản, buôn tiêu biểu và lễ hội truyền thống đặc sắc của dân tộc ít người;
 - + Dự án sưu tầm và bảo tồn các giá trị văn hóa phi vật thể tiêu biểu; xây dựng ngân hàng dữ liệu về văn hóa phi vật thể;
- Nhóm các dự án xây dựng đời sống văn hóa cơ sở:
 - + Dự án xây dựng các thiết chế văn hóa thông tin cơ sở; xây dựng các mô hình hoạt động văn hóa thông tin ở làng xã (đặc biệt chú ý tới vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc nhằm thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng);
 - + Dự án xây dựng làng, bản, ấp, xã, phường văn hóa;
 - + Dự án cung cấp các sản phẩm văn hóa thông tin cho cơ sở;

+ Dự án tăng cường hoạt động văn hóa - thông tin tuyến biên giới và hải đảo (phối hợp với Bộ Tư lệnh biên phòng);

- Nhóm các dự án hiện đại hóa công nghệ sản xuất, lưu trữ và phổ biến phim:

- + Dự án trang bị kỹ thuật hiện đại cho sản xuất và lưu trữ phim;
- + Dự án trang bị kỹ thuật hiện đại cho phổ biến phim;
- + Dự án đào tạo, nâng cao trình độ sử dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất, lưu trữ và phổ biến phim.

c) Phân công quản lý, thực hiện chương trình

Bộ Văn hóa - Thông tin: Quản lý, điều hành chương trình; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và các địa phương quản lý, tổ chức thực hiện các dự án của chương trình.

6. Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo.

a) Mục tiêu:

- Thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong cả nước vào năm 2010, trong đó đến năm 2005 hoàn thành ở 30 tỉnh, thành phố;
- Đổi mới chương trình, nội dung sách giáo khoa;
- Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 40% tổng số lao động trong độ tuổi quy định vào năm 2010, trong đó đạt 30% vào năm 2005; điều chỉnh cơ cấu đào tạo nhân lực về bậc đào tạo, ngành nghề và lãnh thổ phù hợp với nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đẩy mạnh đào tạo cán bộ tin học và đưa tin học vào nhà trường.

b) Nội dung: Bao gồm các dự án:

- Dự án củng cố và phát huy kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở;

09699733
 Tel: +84-8-38496684 * www.ThuVienPhapLuat.com
 LawSoft

- Dự án đổi mới chương trình, nội dung sách giáo khoa;

- Dự án đào tạo cán bộ tin học và đưa tin học vào nhà trường;

- Dự án đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất các trường sư phạm;

- Dự án hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc ít người và vùng có nhiều khó khăn;

- Dự án tăng cường cơ sở vật chất các trường học, các Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp; xây dựng một số trường đại học, trung học chuyên nghiệp trọng điểm;

- Dự án tăng cường năng lực đào tạo nghề.

c) Phân công quản lý, thực hiện chương trình:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quản lý, điều hành và tổng hợp chung toàn bộ tình hình thực hiện chương trình; chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương quản lý, tổ chức thực hiện các dự án:

+ Dự án củng cố và phát huy kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở;

+ Dự án đổi mới chương trình, nội dung sách giáo khoa;

+ Dự án đào tạo cán bộ tin học và đưa tin học vào nhà trường;

+ Dự án đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất các trường sư phạm;

+ Dự án hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc ít người và vùng có nhiều khó khăn;

+ Dự án tăng cường cơ sở vật chất các trường học, các Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp; xây dựng một số trường đại học, trung học chuyên nghiệp trọng điểm;

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ

trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương tổ chức thực hiện dự án tăng cường năng lực đào tạo nghề.

Điều 2. Xây dựng và trình duyệt các chương trình mục tiêu quốc gia.

1. Các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng chương trình cho giai đoạn 2001 - 2005 theo các mục tiêu và dự án quy định tại Điều 1 của Quyết định này và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong quý II năm 2001.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan tổ chức thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các chương trình mục tiêu quốc gia quy định tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Cơ chế quản lý và điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia.

1. Hàng năm Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ tiêu tổng kinh phí của các chương trình mục tiêu quốc gia; trong đó, gồm có kinh phí xây dựng cơ bản và kinh phí sự nghiệp.

2. Thủ tướng Chính phủ ủy quyền Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao các Bộ, cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương các chỉ tiêu hướng dẫn về các mục tiêu, nhiệm vụ hàng năm của từng chương trình.

3. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính giao dự toán chi tiết và cấp trực tiếp kinh phí đã được cân đối trong dự toán chi ngân sách trung ương hàng năm cho các Bộ, cơ quan Trung ương để thực hiện nhiệm vụ của chương trình mục tiêu quốc gia do Trung ương quản lý.

Bộ Tài chính cấp bổ sung có mục tiêu cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo kế hoạch phân bổ kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện trên địa bàn do Ủy ban nhân

dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí.

4. Hàng năm, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia lập kế hoạch mục tiêu và nhu cầu kinh phí để thực hiện chương trình, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính. Trên cơ sở tổng mức kinh phí dự kiến bố trí cho các chương trình được cấp có thẩm quyền thông báo, cơ quan quản lý chương trình dự kiến phân bổ cho các Bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để xem xét, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; cơ quan quản lý chương trình không giao kế hoạch và không thông báo kinh phí của chương trình cho các cơ quan ngành dọc ở tỉnh, thành phố.

Cơ quan quản lý chương trình hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn các định mức chi tiêu thống nhất cho các Bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để chủ động thực hiện; chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện chương trình.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn; chủ động lồng ghép các chương trình, bố trí mức kinh phí và kế hoạch phân bổ kinh phí cho từng chương trình cụ thể; huy động thêm các nguồn vốn khác theo quy định để bổ sung cho việc thực hiện các chương trình; hàng quý, năm báo cáo việc thực hiện các chương trình cho cơ quan quản lý chương trình, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính; đồng thời phải chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc sử dụng có hiệu quả nguồn vốn này.

6. Đối với các chương trình mục tiêu trước đây, nay không còn là chương trình mục tiêu quốc gia, từ năm 2001, chuyển giao dự toán vào nhiệm vụ thường xuyên theo lĩnh vực chi tương ứng của các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương. Đối với các Bộ, cơ quan Trung ương, thực hiện cấp phát trực tiếp cho các Bộ, cơ quan để

thực hiện; đối với các địa phương, tính chung trong tổng số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương. (Riêng hai nhiệm vụ phủ sóng phát thanh và phủ sóng truyền hình trong năm 2001 được thực hiện cơ chế như đã ghi tại Quyết định số 146/2000/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ).

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 72/2001/QĐ-TTg ngày 04/5/2001
về Ngày Gia đình Việt Nam.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Việt Nam tại Tờ trình số 06/TTr-BVCSTE ngày 16 tháng 4 năm 2001 và số 256/BVCSTE ngày 23 tháng 4 năm 2001,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Lấy ngày 28 tháng 6 hàng năm là